

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT23B3**
Mã MH/MĐ: **MD003221**
Tên MH/MĐ: **Sửa chữa máy in**
Số TC: **3**

Năm học: **24-25**

Học kỳ: **01**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2354801024370	Nguyễn Văn Hoàn	Anh	31/08/2008				7	7.0	7.0			6.0		6.4
2	2354801024372	Nguyễn Văn	Bồn	03/11/2008				5	6.0	5.0			7.5		6.7
3	2354801024374	Lê Minh	Dư	16/12/2008				6	7.0	6.0			5.0		5.6
4	2354801024375	Huỳnh Tấn	Đạt	24/04/2008				7	6.0	7.0			5.5		5.9
5	2354801024376	Nguyễn Hoàng	Giang	23/07/2008				7	7.0	7.0			7.0		7.0
6	2354801024377	Nguyễn Phước	Hậu	16/08/2008				7	6.0	7.0			8.5		7.7
7	2354801024378	Trương Văn	Hòa	21/06/2002				9	9.0	8.5			9.5		9.2
8	2354801024379	Nguyễn Đức	Hòa	09/05/2008				5	5.0	5.0			6.0		5.6
9	2354801024382	Nguyễn	Kha	12/03/2007				7	7.0	8.0			9.5		8.7
10	2354801024384	Trần Phú Gia	Khang	28/02/2008				7	7.0	7.0			9.5		8.5
11	2354801024385	Cao Văn	Khanh	11/06/2008				7	7.0	7.0			9.0		8.2
12	2354801024386	Trần Đăng	Khoa	08/11/2008				7	8.0	7.5			8.0		7.8
13	2354801024387	Nguyễn Trọng	Nam	07/01/2008				6	5.0	7.0			7.5		6.9
14	2354801024388	Bùi Vĩnh	Nguyên	14/06/2008				6	5.0	8.0			6.0		6.2
15	2354801024389	Nguyễn Hoàng	Phú	16/03/2008				7	6.0	8.0			8.5		7.9
16	2354801024391	Võ Phước	Sang	18/09/2008				6	7.0	6.0			9.0		8.0
17	2354801024393	Nguyễn Minh	Triết	16/12/2008				8	8.0	8.0			8.5		8.3
18	2354801024394	Quách Nhựt	Trường	01/12/2008				7	6.0	8.0			6.5		6.7
19	2354801024396	Lê Hùng	Vĩ	17/07/2005				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
20	2354801024397	Trần Minh	Vương	03/05/2003				9	9.0	9.0			9.5		9.3
21	2354801025273	Tô Minh	Nhựt	15/09/2008				7	7.0	7.0			8.5		7.9

Châu Đốc, ngày 3 tháng 1 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Cao Thị Yến